TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2022/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 17 tháng 02 năm* 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981.

ĐKTT: ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1976.

ĐKTT: ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trương Văn H. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, ngày 26/01/2000 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Trương Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị N và anh H có 02 con chung Trương Long N, sinh năm 2000, đã trưởng thành và cháu Trương Thị Minh Đ, sinh ngày 23/07/2009. Khi ly hôn, anh H tiếp tục nuôi con chung là cháu Minh Đ, chị N tự nguyện cấp dưỡng cho cháu

Minh Đ mỗi tháng 1.000.0000đ (một triệu đồng) cho đến khi Minh Đ đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 09/02/2022.

Chị N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: chị N và anh H khai không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị N nhận nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003730 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), chị N được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri..

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Mộng Tuyền